

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-PT.

Ngày: 08/9/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Y Phi Kbuôr

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2025/HNGĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2025, về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2025/HNGĐ-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXX-PT ngày 11/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐ-PT ngày 25/08/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh L – sinh năm 1980;

HKTT: Số I N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Số I N, phường B, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt;

Chỗ ở hiện nay: Số C T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Số C T, phường B, tỉnh Đắk Lắk).

2. Bị đơn: Ông Trần Hoài K – sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số I N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Số I N, phường B, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt;

3. Người kháng cáo: Ông Trần Hoài K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Hoài K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B vào ngày 27/12/2002.

Quá trình sống chung thì vợ chồng luôn mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, trong cách đối xử với nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng từ thời gian rất lâu tích tụ lại, không còn khả năng đoàn tụ, bà L và ông K đã sống ly thân 5 tháng nay nên bà L có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Hoài K. Bà L đã ra ngoài ở riêng từ tháng 10/2024 cho đến nay, không quay về chung sống với nhau. Trong thời gian sống ly thân thì bà L, ông K có nói chuyện nhiều lần để tìm cách hòa giải đoàn tụ nhưng không được.

Về con chung: Bà L và ông K có hai con chung là cháu Trần Lê Hiền M, sinh ngày 09/10/2003 và cháu Trần Lê Phước S, sinh ngày 21/01/2013. Cháu Trần Lê Hiền M đã thành niên hiện đang học đại học FPT tại Đà Nẵng, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Phước S và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà là công chức Nhà nước, thu nhập trung bình khoảng 19.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Hoài K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K xác nhận những nội dung như đã trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa ông K và bà L như bà L trình bày là đúng sự thật.

Ông K và bà Lê Thị Thanh L tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B vào ngày 27/12/2002.

Quá trình sống chung thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thời gian khoảng 9, 10 năm trước và mâu thuẫn giảm dần theo thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi vã nhưng ông K đã cố gắng sửa đổi để xây dựng gia đình, nuôi dạy các con. Giữa vợ chồng ông K cũng có mâu thuẫn nhưng không thường xuyên, gần đây thì do xích mích nên bà L có chuyển ra ngoài sống, đã sống ly thân 5 tháng nay. Thời gian bà L chuyển ra ngoài sinh sống thì ông K luôn xin lỗi và mong muốn hàn gắn. Thực ra mâu thuẫn của ông K, bà L chỉ với tần suất 2 năm mới xảy ra một lần do ông K uống rượu nên có nói những lời không hay nhưng bản thân ông K khi tỉnh dậy cũng không nhớ, chỉ nghe vợ nói lại thì ông K cũng xin lỗi vợ. Bản thân ông K, bà L vẫn nói chuyện với nhau. Đến ngày 26/9/2024 thì ông K vì quá áp lực kinh tế khi mua đất nhưng không bán được, còn nợ ngân hàng chưa trả được tiền, tiền nuôi con ăn học đại học nên ông K có to tiếng với vợ và bà L mới bỏ nhà đi. Bà L yêu cầu ly hôn thì nguyện vọng của ông K là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con vì ông K cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không đến mức phải ly hôn. Vì các mâu thuẫn trong gia đình trong quá trình sống chung là không thể tránh khỏi, các mâu thuẫn của vợ chồng ông K chỉ là nhất thời chưa đến mức trầm trọng và không diễn ra thường xuyên, chỉ cần điều chỉnh lại cách ứng xử, cảm thông cho nhau để giữ hạnh phúc gia đình là thể hàn gắn được, đời sống chung có thể kéo dài. Ông K cho rằng vẫn hết mực yêu thương vợ, con. Cụ

thể từ ngày sống chung đến nay ông K luôn giúp đỡ vợ trong học tập, tạo công ăn việc làm cho vợ để được như ngày hôm nay. Quan tâm, lo phát triển kinh tế gia đình.... Khi ra ở riêng vợ chồng ông K vẫn qua lại và quan tâm nhau, hàng tuần vẫn gặp nhau, không bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống, thời gian ly thân chưa dài. Ông K không có hành vi ngược đãi, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của vợ và những sự việc xảy ra chỉ là bột phát nhất thời. Con thứ hai của vợ chồng ông K là cháu trai Trần Lê Phước S, năm nay đã hơn 12 tuổi, sắp dậy thì độ tuổi rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách sau này, nên đây là giai đoạn cháu rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ cả cha lẫn mẹ.

- Về con chung: Ông K và bà L có 02 con chung là cháu Trần Lê Hiền M, sinh ngày 09/10/2003 và cháu Trần Lê Phước S, sinh ngày 21/01/2013. Cháu Trần Lê Hiền M đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Phước S và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông K đang kinh doanh Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm H (Giò chả Huế gia truyền), thu nhập trung bình 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng/1 tháng.

Do ông K kinh doanh nên thu nhập không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 99/2025/HNGĐ-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh L được ly hôn với ông Trần Hoài K.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Thanh L và ông Trần Hoài K có hai con chung là cháu Trần Lê Hiền M, sinh ngày 09/10/2003 và cháu Trần Lê Phước S, sinh ngày 21/01/2013.

Giao con chung cháu Trần Lê Phước S, sinh ngày 21/01/2013 cho bà Lê Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Hoài K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Cháu Trần Lê Hiền M, sinh ngày 09/10/2003 đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), Tòa án không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thanh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thanh L và ông Trần Hoài K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2025 bị đơn ông Trần Hoài K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Kháng cáo không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn thì ông mong muốn được nuôi con chung là cháu Trần Lê Phước S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Trần Hoài K vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm cho bà Lê Thị Thanh L được ly hôn với ông Trần Hoài K và giao con chung là cháu Trần Lê Phước S cho bà Lê Thị Thanh L nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Trần Hoài K mong muốn nếu giải quyết ly hôn và giao con chung là cháu Trần Lê Phước S cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thì ông muốn được cấp dưỡng nuôi con chung và bà L cũng đồng ý nhưng ông K và bà L không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể, xét đây là ý chí tự nguyện của các bên nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoài K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hoài K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa bà Lê Thị Thanh L và ông Trần Hoài K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2002 tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi cọ nhau và đã sống ly thân nhau từ 10/2024 đến nay.

Ông K cho rằng quá trình sống chung thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thời gian khoảng 9, 10 năm trước và mâu thuẫn giảm dần theo thời gian, nguyên nhân

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, nhưng mâu thuẫn không thường xuyên, gần đây thì do xích mích nên bà L có chuyển ra ngoài sống ly thân đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế cuộc sống chung giữa bà L và ông K đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu vào kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay đã sống ly thân nhau, nên khó có thể hàn gắn được quan hệ vợ chồng. Đối với ông K cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng và xin được đoàn tụ, tuy nhiên bà L không có thiện chí và cũng không có phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà L đã kiên quyết xin ly hôn, nên nếu có kéo dài quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc và không đạt được mục đích của hôn nhân. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông K, là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Trần Hoài K không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, là phù hợp.

[2] Về con chung: Giữa bà L và ông K có với nhau 02 con chung là cháu Trần Lê Hiền M, sinh ngày 09/10/2003 và cháu Trần Lê Phước S, sinh ngày 21/01/2013. Đối với cháu Trần Lê Hiền M đã trưởng thành nên không đề cập xem xét. Đối với cháu Trần Lê Phước S cả bà L và ông K đề có nguyện vọng nuôi con chung, cả hai đều đảm bảo các điều kiện nuôi con chung, nhưng cháu S có nguyện vọng được ở cùng với bà L nên Bản án sơ thẩm giao con chung là cháu Trần Lê Phước S cho bà Lê Thị Thanh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi), là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như ý chí, nguyện vọng của cháu S, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu tòa án xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Trần Hoài K mong muốn nếu giải quyết ly hôn và giao con chung là cháu Trần Lê Phước S cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thì ông muốn được cấp dưỡng nuôi con chung và bà L cũng đồng ý nhưng ông K và bà L không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể. Do đó, quá trình bà L nuôi dưỡng con chung tùy vào điều kiện, hoàn cảnh ông K sẽ thực hiện việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Hoài K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng: Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Hoài K; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 99/2025/HNGĐ-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh L được ly hôn với ông Trần Hoài K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Phước S, sinh ngày 21/01/2013 cho bà Lê Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Hoài K có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên tự thỏa thuận trong quá trình trông nom, chăm sóc, cấp dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thanh L và ông Trần Hoài K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Hoài K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số AA/2025/0011219 ngày 23/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hồng